

TIME \ DAY	DAY 1	DAY 2	DAY 3	DAY 4	DAY 5	DAY 6
8:00 - 8:25	<i>Morning Assembly / Class Teacher Period</i>					
8:25 - 8:55	Oral (a/b) (208 / 206)	Geog	Chin	Chin	Eng (a/b/c) (208/207/205)	D&T / T&L (D&T / HE Rm)
8:55 - 9:25	Oral (a/b) (208 / 206)	Geog	Chin	Chin	Eng (a/b/c) (208/207/205)	D&T / T&L (D&T / HE Rm)
9:45 - 10:15	P.E.	Eng (a/b/c) (208/207/110)	Eng (a/b/c) (208/207/305)	Math	Math	Eng*
10:15 - 10:45	P.E.	Eng (a/b/c) (208/207/110)	Pth	Math	Math	Eng*
10:55 - 11:25	Phy (Phy Lab)	L&S	V.Art (Art Rm)	Eng (a/b/c) (208/207/304)	L&S	C.L.(a/b) (MMLC)
11:25 - 11:55	Phy (Phy Lab)	L&S	V.Art (Art Rm)	Eng (a/b/c) (208/207/304)	L&S	C.L.(a/b) (MMLC)
12:05 - 12:35	Math	Bio (Bio Lab)	CHist	Chem (Chem Lab)	Hist	Chin*
12:35 - 13:05	Chin	Bio (Bio Lab)	CHist	Chem (Chem Lab)	Hist	Chin*
13:05 - 13:35 (Day 1) 14:30 - 15:00 (Day 2-6)	Chin	Chin	Math	Music (Music Rm)	Chin	Math
15:00 - 15:30	S.A.	Chem (Chem Lab)	Math	Music (Music Rm)	Bio (Bio Lab)	Phy (Phy Lab)
15:30 - 16:00	S.A.	Chem (Chem Lab)			Bio (Bio Lab)	Phy (Phy Lab)

- Bio : TKC
- C.L. : TKL / TG
- CHist : LFT
- Chem : CP
- Chin : CG
- D&T : KMK
- Eng : YLW / CSL / LSY
- Geog : HKC
- Hist : CS
- L&S : CWC
- Math : CKS
- Music : CC
- Oral : HSY / TJ
- P.E. : LSK / CSM
- Phy : LCT
- Pth : YWY
- T&L : CLD
- V.Art : TWH
- ACT : KMK
- S.A. : CG

— Recess / Intermission Lunch Time

TIME \ DAY	DAY 1	DAY 2	DAY 3	DAY 4	DAY 5	DAY 6
8:00 - 8:25	<i>Morning Assembly / Class Teacher Period</i>					
8:25 - 8:55	Chin	Hist	Chin	V.Art (Art Rm)	Eng (a/b/c) (208/207/205)	Math
8:55 - 9:25	Chin	Hist	Chin	V.Art (Art Rm)	Eng (a/b/c) (208/207/205)	Math
9:45 - 10:15	P.E.	Eng (a/b/c) (208/207/110)	Eng (a/b/c) (208/207/305)	Math	Phy (Phy Lab)	Eng*
10:15 - 10:45	P.E.	Eng (a/b/c) (208/207/110)	Math	Math	Phy (Phy Lab)	Eng*
10:55 - 11:25	C.L.(a/b) (MMLC)	L&S	Oral (a/b) (207 / 208)	Eng (a/b/c) (208/207/304)	D&T / T&L (D&T / HE Rm)	Chem (Chem Lab)
11:25 - 11:55	C.L.(a/b) (MMLC)	L&S	Oral (a/b) (207 / 208)	Eng (a/b/c) (208/207/304)	D&T / T&L (D&T / HE Rm)	Chem (Chem Lab)
12:05 - 12:35	Math	Math	Geog	Chin	L&S	Chin*
12:35 - 13:05	Bio (Bio Lab)	Math	Geog	Chin	L&S	Chin*
13:05 - 13:35 (Day 1) 14:30 - 15:00 (Day 2-6)	Bio (Bio Lab)	Chin	Pth	CHist	Chin	Music (Music Rm)
15:00 - 15:30	S.A.	Phy (Phy Lab)	Bio (Bio Lab)	CHist	Chem (Chem Lab)	Music (Music Rm)
15:30 - 16:00	S.A.	Phy (Phy Lab)	Bio (Bio Lab)		Chem (Chem Lab)	

Bio : LMY
 C.L. : TKL / TG
 CHist : LFT
 Chem : CP
 Chin : MB
 D&T : KMK
 Eng : YLW / CSL / LSY / TJ
 Geog : HKC
 Hist : CS
 L&S : FCM
 Math : CSF
 Music : CC
 Oral : CLD / TJ
 P.E. : LSK / CSM
 Phy : TKT
 Pth : YWY
 T&L : CLD
 V.Art : YDY
 ACT : TKT
 S.A. : YLW

 Recess / Intermission
  Lunch Time

TIME \ DAY	DAY 1	DAY 2	DAY 3	DAY 4	DAY 5	DAY 6
8:00 - 8:25	<i>Morning Assembly / Class Teacher Period</i>					
8:25 - 8:55	V.Art (Art Rm)	Eng	Music (Music Rm)	Chin	Chin	Math (a/b) (205 / 206)
8:55 - 9:25	V.Art (Art Rm)	Eng	Music (Music Rm)	Chin	Chin	Math (a/b) (205 / 206)
9:45 - 10:15	Geog	CHist	Math (a/b) (205 / 206)	P.E.	Bio (Bio Lab)	Eng*
10:15 - 10:45	Geog	CHist	Math (a/b) (205 / 206)	P.E.	Bio (Bio Lab)	Eng*
10:55 - 11:25	Chem (Chem Lab)	Chin	Phy (Phy Lab)	Math (a/b) (205 / 206)	C.L.(a/b) (MMLC)	L&S
11:25 - 11:55	Chem (Chem Lab)	Chin	Phy (Phy Lab)	Math (a/b) (205 / 206)	C.L.(a/b) (MMLC)	L&S
12:05 - 12:35	Eng	Hist	Oral (a/b) (206 / 110)	L&S	Eng	Chin*
12:35 - 13:05	Eng	Hist	Oral (a/b) (206 / 110)	L&S	Eng	Chin*
13:05 - 13:35 (Day 1) 14:30 - 15:00 (Day 2-6)	Chin	Math (a/b) (205 / 206)	Chin	Eng	Pth	D&T / T&L (D&T / HE Rm)
15:00 - 15:30	S.A.	Math (a/b) (205 / 206)	Bio (IS Lab)	Chem (Chem Lab)	Phy (Phy Lab)	D&T / T&L (D&T / HE Rm)
15:30 - 16:00	S.A.	Math (a/b) (205 / 206)	Bio (IS Lab)	Chem (Chem Lab)	Phy (Phy Lab)	

Bio : TKC
 C.L. : TKL / TG
 CHist : LFT
 Chem : CP
 Chin : LLY
 D&T : KMK
 Eng : TJ / CSL
 Geog : HKC
 Hist : CS
 L&S : FCM
 Math : CKS / TYK
 Music : CC
 Oral : HSY / TJ
 P.E. : LSK / CSM
 Phy : TKT
 Pth : YWY
 T&L : CLD
 V.Art : YDY
 ACT : TJ
 S.A. : FCM

— Recess / Intermission 🌀 Lunch Time

TIME \ DAY	DAY 1	DAY 2	DAY 3	DAY 4	DAY 5	DAY 6
8:00 - 8:25	<i>Morning Assembly / Class Teacher Period</i>					
8:25 - 8:55	Eng	Chin	Eng	Eng	D&T / T&L (D&T / HE Rm)	Math (a/b) (205 / 206)
8:55 - 9:25	Eng	Chin	Eng	Eng	D&T / T&L (D&T / HE Rm)	Math (a/b) (205 / 206)
9:45 - 10:15	Music (Music Rm)	Oral (a/b) (205 / 204)	Math (a/b) (205 / 206)	P.E.	CHist	Eng*
10:15 - 10:45	Music (Music Rm)	Oral (a/b) (205 / 204)	Math (a/b) (205 / 206)	P.E.	CHist	Eng*
10:55 - 11:25	Bio (Bio Lab)	Geog	Chem (Chem Lab)	Math (a/b) (205 / 206)	Phy (Phy Lab)	L&S
11:25 - 11:55	Bio (Bio Lab)	Geog	Chem (Chem Lab)	Math (a/b) (205 / 206)	Phy (Phy Lab)	L&S
12:05 - 12:35	Hist	C.L.(a/b) (MMLC)	V.Art (Art Rm)	L&S	Chin	Chin*
12:35 - 13:05	Hist	C.L.(a/b) (MMLC)	V.Art (Art Rm)	L&S	Chin	Chin*
13:05 - 13:35 (Day 1) 14:30 - 15:00 (Day 2-6)	Chin	Math (a/b) (205 / 206)	Chin	Chin	Eng	Pth
15:00 - 15:30	S.A.	Math (a/b) (205 / 206)	Phy (Phy Lab)	Chin	Bio	Chem (Chem Lab)
15:30 - 16:00	S.A.	Math (a/b) (205 / 206)	Phy (Phy Lab)		Bio	Chem (Chem Lab)

Bio : LMY
 C.L. : TKL / TG
 CHist : LFT
 Chem : CP
 Chin : LMC
 D&T : KMK
 Eng : CSL
 Geog : HKC
 Hist : CS
 L&S : CCP
 Math : CKS / TYK
 Music : CC
 Oral : CLD / TJ
 P.E. : LSK / CSM
 Phy : LCT
 Pth : YWY
 T&L : CLD
 V.Art : YDY
 ACT : CLD
 S.A. : CP

— Recess / Intermission 🌀 Lunch Time

葵涌蘇浙公學
網上課堂會議編號

同學必須參照時間表內老師姓名對應下方的會議編號，按時輸入會議編號及密碼進入課室。每位老師使用的視像教學軟件及會議 ID 如下：

老師姓名	老師簡稱	使用軟件	Zoom PMI/ Meet ID
查欣珍	CU	Zoom	2836324572
陳嘉文	CC	Zoom	2356828127
陳家威	CG	Zoom	7894078821
陳劍威	CJ	Zoom	2430349223
陳淑芬	CS	Zoom	3863852897
陳淑芳	CSF	Zoom	3244407428
陳耀潔	CL	Zoom	4177042790
陳秦宇	CLD	Zoom	9856345661
鄭佩玉	CP	Zoom	6199051674
張慧姿	CWC	Zoom	8370483919
張雪敏	CSM	Zoom	5730504505
莊兆良	CSL	Zoom	4110476251
周潔心	CKS	Zoom	8191613467
徐家英	CA	Zoom	4706385629
鍾朝彬	CCP	Zoom	7192371763
傅昭明	FCM	Zoom	7384044109
何聰慧	HCW	Zoom	4623150208
侯敏慧	HMW	Zoom	3048502426
何秀玲	HSL	Zoom	5815716061
韓紀政	HKC	Zoom	7866036328
夏麗佳	HLK	Zoom	8508105084
何思瑤	HSY	Zoom	7499338833
鄺文傑	KMK	Zoom	4928791514
江舒若	KSY	Zoom	9372816211
李俊廷	LCT	Zoom	2385954183
林鳳婷	LFT	Zoom	2634062769
林麗華	LLW	Zoom	8043409699
林少珠	LSC	Zoom	2070779062
林小慧	LSW	Zoom	3066671703
林華嫻	LWS	Zoom	3713178990
林慧萍	LWP	Zoom	4774643660
Ubamos MICHAEL	UM	Zoom	6654280358

老師姓名	老師簡稱	使用軟件	Zoom PMI/ Meet ID	
劉寶嘉	LPK	Zoom	8866877510	
李述強	LSK	Zoom	9531227347	
李肇燕	LSY	Zoom	8047448550	
李豪俊	LHC	Zoom	3728944619	
李勵賢	LLY	Zoom	4365724477	
李明宜	LMY	Zoom	7581584282	
李敏基	LMK	Zoom	8845020844	
盧美清	LMC	Zoom	2795278313	
呂惠琮	LWK	Zoom	9493883467	
劉潤如	LYY	Zoom	6764216190	
馬華勇	MB	Zoom	3172008590	
吳肇東	NST	Zoom	7044228866	
吳絲玲	NA	Zoom	5234145388	
岑鉅文	SKM	Zoom	5106298285	
譚煒均	TG	Zoom	2408301753	
鄧欣杰	TYK	Zoom	5764398574	
曾浚淇	TJ	Zoom	9942242797	
曾高將	TKC	Zoom	6929932056	
謝景棠	TKT	Zoom	7809515263	
謝曼華	TMW	Zoom	7429858671	
董繼龍	TKL	Zoom	4012786610	
鄧偉雄	TWH	Zoom	5775915831	
王嘉英	WKY	Zoom	5998844291	
楊迪欣	YDY	Zoom	8542107466	
余傑榮	YKW	Zoom	3827602319	
楊利華	YLW	Zoom	4571346375	
楊施琳	YSL	Zoom	7701482689	
余泳儀	YWY	Zoom	5274111930	
馬敏儀	MMY	Google meet	2A	vmxgkcv
			2Cdb	krqbmku
			5ADb	mgpr6dx
			6ADd	f6n4ayj